

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 22/2016/HĐKT

Về việc: “Kiểm tra nghiệm thu Xây dựng lưới địa chính, Đo đạc thành lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang (phần thuộc huyện Long Mỹ)”.

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 33/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;

Căn cứ Quyết định số 2738/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2008 của UBND tỉnh Hậu Giang V/v phê duyệt Dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2008-2010, định hướng đến năm 2015 tỉnh Hậu Giang;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-STNMT ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang V/v phê duyệt Thiết kế kỹ thuật – dự toán: “Xây dựng lưới địa chính, đo đạc thành lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai huyện Long Mỹ (bao gồm thị xã Long Mỹ và huyện Long Mỹ), tỉnh Hậu Giang”;

Căn cứ Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc Điều chỉnh thời gian thực hiện Dự án đo đạc tổng thể tỉnh Hậu Giang tại Điều 1 Quyết định số 2738/ QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2008 của UBND tỉnh Hậu Giang;

Căn cứ Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: “Xây dựng lưới địa chính, đo đạc thành lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai huyện Long Mỹ (bao gồm thị xã Long Mỹ và huyện Long Mỹ), tỉnh Hậu Giang”;

Căn cứ Quyết định số 264/QĐ-SNTMT ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả đặt hàng thực hiện gói thầu : “Kiểm tra nghiệm thu Xây dựng lưới địa chính, Đo đạc thành lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang (phần thuộc huyện Long Mỹ)”

Hôm nay, ngày 13 tháng 6 năm 2016, tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang, chúng tôi gồm có:

1. Bên chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang (gọi tắt là bên A).

Đại diện là ông: **Hồ Văn Phú** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Số 03, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P5. Tp Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

Điện thoại: (0711) 3878 894; Fax : (0711) 3878 895

Tài khoản số: 9527.2.1005849 tại Kho bạc nhà nước tỉnh Hậu Giang

Mã số thuế: 1800544875

2. Bên thi công: Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và xây dựng mỏ - Địa chất.

Đại diện: PGS-TS. **Trần Đình Kiên,** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch: Tầng 1 – nhà A – Trường Đại học Mỏ - Địa chất – Đông Ngạc – Từ Liêm – Hà Nội.

Điện thoại: 043.7550428

Fax: 043.7550428.

Tài khoản số: 102010000686178 tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam chi nhánh Nam Thăng Long – Hà Nội.

Mã số thuế: 0101074336.

Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng kinh tế với các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung công việc hợp đồng.

Bên A giao cho bên B thực hiện:

“Kiểm tra nghiệm thu Xây dựng lưới địa chính, Đo đạc thành lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang (phần thuộc huyện Long Mỹ)”.

Công việc chính gồm:

- Xây dựng lưới địa chính khoảng: 200 điểm.
- Thành lập bản đồ địa chính khoảng: 20.030,91 ha.
 - + Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000: 2.024,93 ha.
 - + Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000: 17.555,85 ha.
 - + Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/5000: 450,11 ha.
- Biên vẽ bản đồ địa chính theo Chi thị 31 khoảng: 12,12 ha.

- Lập hồ sơ địa chính, đăng ký, cấp, cấp đổi GCNQSDĐ khoảng: 82.624 giấy, trong đó:

+ Cấp mới GCNQSDĐ: 8.264 giấy.

+ Cấp đổi GCNQSDĐ: 74.360 giấy.

Điều 2. Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật.

Tuân thủ theo các yêu cầu của quy trình quy phạm hiện hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường và thiết kế kỹ thuật dự toán đã được phê duyệt.

Sản phẩm Kiểm tra, Thẩm định và Nghiệm thu phải bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành và theo yêu cầu của chủ đầu tư (Bên A)

Điều 3. Sản phẩm giao nộp.

Bên B giao nộp cho bên A đầy đủ các sản phẩm kiểm tra đúng theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường (ghi cụ thể trong Thiết kế kỹ thuật – dự toán “Xây dựng lưới địa chính, thành lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang” đã được phê duyệt) gồm: Số liệu và kết quả kiểm tra; Hồ sơ kiểm tra nghiệm thu (theo Thông tư số 05/2009/TT-BTNMT ngày 01/06/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm địa chính.

Bên B giao nộp cho bên A đầy đủ các sản phẩm và đúng theo quy định của Địa điểm giao nộp: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang.

Điều 4. Thời gian thực hiện.

Thời gian thực hiện hợp đồng: 28 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, không kể trường hợp kéo dài thời gian do các nguyên nhân không thuộc lỗi của Bên B được Bên A chấp thuận.

Điều 5. Giá trị và hình thức hợp đồng.

- Giá trị hợp đồng tạm tính sau thuế: 1.815.155.786 đồng.

- Giá trị hợp đồng làm tròn số là: 1.815.155.000 đồng.

(Bằng chữ: Một tỷ tám trăm mười lăm triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

(Đính kèm bảng tính kinh phí)

- Hình thức hợp đồng: Đơn giá cố định.

- **Giá trị quyết toán:** Giá trị quyết toán công trình sẽ căn cứ vào khối lượng công việc nghiệm thu, các định mức, quy định hiện hành và theo quyết toán cuối cùng của cấp có thẩm quyền.

Điều 6. Thanh toán hợp đồng.

6.1. Khối lượng thanh toán: Khối lượng thi công thực tế được bên A nghiệm thu chấp nhận. Nếu có phát sinh khối lượng phải có văn bản chấp nhận của chủ đầu tư.

6.2. Mức khó khăn:

Khi thanh toán mức khó khăn theo thực tế nghiệm thu. Nếu khối lượng thực hiện tăng hoặc giảm thì xem xét theo thực tế.

6.3. Tiến độ giải ngân và phương thức thanh toán:

6.3.1 - Tiến độ giải ngân: Theo kế hoạch cấp vốn hàng năm của Trung ương và UBND tỉnh giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang.

6.3.2 - Phương thức thanh toán: Bằng chuyển khoản và thanh toán làm nhiều đợt theo khối lượng hoàn thành được chủ đầu tư nghiệm thu theo từng công đoạn. Cụ thể:

a. Khi hợp đồng được ký, bên B tổ chức triển khai thi công, bên A cấp tạm ứng cho bên B 20% giá trị hợp đồng và theo kế hoạch vốn được cấp thẩm quyền bố trí trong năm. Với số tiền **363.031.157 đồng**. (Số tiền bằng chữ: Ba trăm sáu mươi ba triệu không trăm ba mươi một ngàn một trăm năm mươi bảy đồng).

b. Khi hoàn thành công việc xây dựng lưới địa chính và công việc đo đạc thành lập bản đồ địa chính được chủ đầu tư nghiệm thu xong. Bên A sẽ thanh toán cho bên B không quá 50% giá trị khối lượng hoàn thành đã được nghiệm thu (phải trừ phần kinh phí đã ứng ban đầu).

c. Khi hoàn thành công việc lập hồ sơ địa chính, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang được chủ đầu tư nghiệm thu xong. Bên A sẽ thanh toán tiếp cho bên B không quá 80% giá trị khối lượng hoàn thành đã được nghiệm thu.

d. Khi hoàn thành công trình, hợp đồng được thanh lý, bên A thanh toán cho bên B phần kinh phí còn lại theo kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6.4. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng

6.5. Kinh phí thanh toán hàng năm: Theo kế hoạch cấp vốn hàng năm của cơ quan có thẩm quyền cấp cho Sở Tài nguyên và môi trường.

Điều 7. Bảo hiểm.

Trong quá trình thi công công trình, đơn vị thi công phải mua bảo hiểm đối với người lao động theo quy định.

Điều 8. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng có gì vướng mắc, hai bên nỗ lực tối đa, chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết.

- Trong trường hợp giữa hai bên không đạt được thỏa thuận, việc giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải, Trọng tài hoặc Tòa án tỉnh Hậu Giang giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Bất khả kháng.

9.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính chất khách quan, nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như: động đất; bão; lũ lụt; chiến tranh và các thảm họa khác mà hai bên không lường trước được; sự thay đổi chính sách, hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam.

Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày làm việc ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

9.2. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

9.3. Trường hợp nếu phần đăng ký đất đai do trường hợp bất khả kháng mà đăng ký không đạt được 80% số thửa cần đăng ký thì khi thanh toán theo mục 6.3.2.d sẽ thanh toán theo khối lượng nghiệm thu.

Điều 10 . Tạm dừng, hủy bỏ hợp đồng.

10.1. Tạm dừng thực hiện hợp đồng:

Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng:

- Do lỗi của bên đặt hàng hoặc bên được đặt hàng gây ra.
- Các trường hợp bất khả kháng.
- Các trường hợp khác do hai bên thỏa thuận.

Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện tốt hợp đồng đã ký kết. Trường hợp bên tạm dừng hợp đồng không thông báo mà tạm dừng gây ra thiệt hại, thì phải bồi thường thiệt hại.

Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thỏa thuận để khắc phục.

10.2. Hủy bỏ hợp đồng:

a. Một bên có quyền hủy hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng. Bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại.

b. Bên hủy hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết trước 07 ngày làm việc về việc hủy bỏ, nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên hủy hợp đồng phải bồi thường.

c. Khi hợp đồng bị hủy bỏ, thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bị hủy bỏ và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền.

Điều 11. Thưởng, phạt khi vi phạm hợp đồng.

11.1. Thưởng hợp đồng: không áp dụng.

11.2. Phạt hợp đồng:

+ Bên B vi phạm về chất lượng thì sẽ phải chỉnh sửa để đảm bảo chất lượng sản phẩm.

+ Bên B vi phạm về thời hạn thực hiện hợp đồng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của bên A gây ra, bên B sẽ chịu phạt 1% mỗi tháng phần hợp đồng vi phạm còn lại. Tổng mức phạt không quá 12% phần giá trị hợp đồng vi phạm còn lại.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của bên B.

12.1. Quyền của bên B:

- Từ chối thực hiện các yêu cầu trái pháp luật.
- Đề xuất sửa đổi thiết kế cho phù hợp với thực tế, đảm bảo chất lượng và hiệu quả công trình.
- Yêu cầu thanh toán giá trị khối lượng đã hoàn thành theo đúng hợp đồng.
- Dừng thi công công trình nếu bên A không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng đã ký gây trở ngại và thiệt hại cho bên B.
- Yêu cầu bồi thường thiệt hại do lỗi bên A gây ra.
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

12.2. Nghĩa vụ của bên B:

- Thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết.
- Lập kế hoạch kiểm tra trước khi bắt đầu.
- Tổ chức kiểm tra nghiệm thu công tác thi công công trình theo đúng thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật tại điều 2 nội dung thương thảo. Chịu trách nhiệm kiểm tra các đơn vị thi công chỉnh sửa các sản phẩm còn sai sót.

- Giao nộp cho Bên A các tài liệu theo quy định trong luận chứng kinh tế kỹ thuật.

- Xuất hóa đơn tài chính theo thực tế thanh quyết toán cho Bên A theo quy định.

- Bảo mật tất cả các tài liệu được cung cấp để phục vụ công tác kiểm tra và các dữ liệu thu thập được trong quá trình kiểm tra. Không được phổ biến, cung cấp các tài liệu, dữ liệu này dưới mọi hình thức khi chưa có ý kiến của Bên A.

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của bên A.

13.1. Quyền của bên A:

- Giám sát việc thực hiện hợp đồng.

- Đình chỉ thực hiện hoặc chấm dứt hợp đồng với bên B theo quy định của pháp luật.

- Yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan phối hợp thực hiện các công việc trong quá trình thi công công trình.

- Không thanh toán giá trị khối lượng không đảm bảo chất lượng hoặc khối lượng phát sinh không hợp lý.

- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

13.2. Nghĩa vụ của bên A:

- Cung cấp cho Bên B các số liệu, tài liệu liên quan đến công tác (nếu có).

- Giới thiệu Bên B liên hệ với các đơn vị thi công và các ban, ngành để giải quyết các vấn đề liên quan đến thực hiện công việc.

- Tổ chức nghiệm thu, thanh toán, quyết toán công trình cho bên B như điều 5 của hợp đồng đã nêu ở trên.

- Bên A (chủ đầu tư) chỉ định Trưởng phòng Đo đạc bản đồ và Viễn Thám, Phòng đo đạc bản đồ và Viễn Thám trực thuộc Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang là cán bộ phụ trách của Chủ đầu tư để phối hợp với bên B (đơn vị thi công) trong suốt quá trình thực hiện để hoàn thành gói thầu đúng tiến độ.

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Điều khoản chung.

- Khi có bất cứ vấn đề phát sinh nào có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng thì hai bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản.

- Trong quá trình thi công, nếu có phát sinh về khối lượng, bên B có trách nhiệm báo cáo để bên A trình cấp có thẩm quyền. Khối lượng phát sinh chỉ được thực hiện và thanh toán khi được cấp có thẩm quyền cho phép.

- Nếu có khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng thì hai bên gặp nhau cùng trao đổi để giải quyết. Trường hợp xét thấy cần thiết thì bổ sung bằng phụ lục hợp đồng. Phụ lục hợp đồng có giá trị pháp lý như hợp đồng.

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.

- Hợp đồng được lập thành 10 bản có giá trị pháp lý như nhau; bên A giữ 06 bản, bên B giữ 04 bản và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC



Hồ Văn Phú

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC



Trần Đình Kiên

DỰ TOÁN KINH PHÍ HUYỆN LONG MỸ

(Kèm theo Hợp đồng kinh tế số: 22/2016/HĐKT ngày 12 tháng 6 năm 2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung công việc	DVT	KK	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	CHI PHÍ TRONG ĐƠN GIÁ (I+II+III+IV)					46.381.623.690
I	XÂY DỰNG LƯỚI ĐỊA CHÍNH			200		1.480.286.918
1	Chọn điểm, chôn mốc bê tông	Điểm		200		552.350.141
			2	134	2.545.723	341.126.864
			3	66	3.200.353	211.223.277
2	Xây tường vây	Điểm		200		493.617.192
			2	134	2.340.727	313.657.389
			3	66	2.726.664	179.959.803
3	Tiếp điểm có tường vây	Điểm		23		12.647.215
			2	23	549.879	12.647.215
4	Đo ngắm GPS	Điểm		223		307.381.569
			2	157	1.296.562	203.560.252
			3	66	1.573.050	103.821.317
5	Phục vụ KTNT đo GPS	Điểm		223	238.894	53.273.403
6	Tính toán bình sai	Điểm		200	305.087	61.017.400
II	ĐO VẼ BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH			20.030,91		29.500.361.197
1	Đo BĐĐC tỷ lệ 1/500			-		
	- Ngoại nghiệp	Ha		-		
			2	-	8.504.769	-
			3	-	10.656.237	-
	- Nội nghiệp	Ha		-		-
			2	-	1.168.388	-
			3	-	1.231.627	-
2	Đo BĐĐC tỷ lệ 1/1.000			2.024,93		9.316.217.552
	- Ngoại nghiệp	Ha		2.024,93		8.138.787.081
			2	506,23	2.822.397	1.428.790.075
			4	1.518,70	4.418.255	6.709.997.006
	- Nội nghiệp	Ha		2.024,93		1.177.430.471
			2	506,23	516.899	261.671.343
			4	1.518,70	602.989	915.759.128
3	Đo BĐĐC tỷ lệ 1/2.000			17.555,87		19.967.349.231
	- Ngoại nghiệp	Ha		17.555,87		16.111.811.507
			2	11.703,91	874.429	10.234.238.957
			3	5.851,96	1.004.378	5.877.572.550
	- Nội nghiệp	Ha		17.555,87		3.855.537.725
			2	11.703,91	213.996	2.504.591.792
			3	5.851,96	230.854	1.350.945.933
4	Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/5000			450,11		216.894.414
	- Ngoại nghiệp	Ha		450,11		199.423.201
			2	450,11	443.051	199.423.201
	- Nội nghiệp			450,11		17.471.213
			2	450,11	38.815	17.471.213
III	BIÊN VẼ BĐĐC THEO CHỈ THỊ 31					3.860.568
	Nội nghiệp			12,12		3.860.568
1	Tỷ lệ 1:500	Ha		-		-

STT	Nội dung công việc	DVT	KK	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Tỷ lệ 1:500	Ha	2		1.217.071	-
2	Tỷ lệ 1:1000	Ha		3,68		1.979.417
	Tỷ lệ 1:1000	Ha	2	3,68	538.437	1.979.417
3	Tỷ lệ 1:2000	Ha		8,44		1.881.151
	Tỷ lệ 1:2000	Ha	2	8,44	222.913	1.881.151
IV	ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CNQSDD			82.624		15.397.015.007
1	Cấp mới GCNQSDĐ	Giấy		8.264		1.596.029.220
			1	8.264	193.130	1.596.029.220
			2	0	209.955	-
2	Cấp đổi GCNQSDĐ	Giấy		74.360		13.800.985.788
2.1	- Trường hợp thửa đất có thay đổi về hình dạng, diện tích ... Khi lập hồ sơ cấp đổi phải thông qua hội đồng xét duyệt (tạm tính 90% số giấy cấp đổi)			66.923		12.924.862.473
			1	66.923	193.130	12.924.862.473
			2	-	209.955	-
2.2	- Trường hợp thửa đất không thay đổi so với diện tích đã cấp GCN (tạm tính 10% số thửa cấp đổi)			7.437		876.123.314
			1	7.437	117.806	876.123.314
			2	-	123.351	
VI	CỘNG (I+II+III+IV)					46.381.623.690
1	Cộng ngoại nghiệp					25.869.291.309
2	Cộng nội nghiệp					20.512.332.382
a	- Bàn đồ địa chính					5.115.317.375
b	- ĐKTK, cấp GCNQSDĐ					15.397.015.007
B	Chi kiểm tra nghiệm thu					1.650.141.624
	- Ngoại nghiệp (4% *VI.1)					1.034.771.652
	- Nội nghiệp (3% *(VI.2.a+VI.2.b))					615.369.971
C	Thuế GTGT: (10%)					165.014.162
	TỔNG DỰ TOÁN KINH PHÍ KTNT					1.815.155.786
	LÀM TRÒN					1.815.155.000

(Số tiền bằng chữ: Một tỷ tám trăm mười lăm triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THANH LÝ

Công trình: Kiểm tra và nghiệm thu sản phẩm Xây dựng lưới địa chính, thành lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang (phần thuộc huyện Long Mỹ)

Căn cứ Hợp đồng số 22/2016/HĐ ngày 13 tháng 6 năm 2016 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang với Công ty TNHH tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất về việc Giám sát, kiểm tra và nghiệm thu sản phẩm Xây dựng lưới địa chính, thành lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang (phần thuộc huyện Long Mỹ)

Căn cứ các phụ lục hợp đồng số: 22/PLHĐ ngày 05/1/2019 và 01/PLHĐ ngày 19/6/2020, 03-22/2016/PLHĐ ngày 23/10/2023, 04-22/2016/PLHĐ ngày/12/2023;

Căn cứ vào hồ sơ Nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm công đoạn Kiểm tra và nghiệm thu sản phẩm Xây dựng lưới địa chính, thành lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang (phần thuộc huyện Long Mỹ) ngày 26 tháng 4 năm 2018.

Hôm nay, ngày 29 tháng 12 năm 2023, chúng tôi gồm:

BÊN A: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang

Người đại diện: **Lê Quốc Việt**, Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Số 03, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Khu Hành chính Ủy ban, phường 5, TP.Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Điện thoại: 0293.3878894 ,

Fax : 0293.3878895

Tài khoản số: 9527.2.1005849, tại: Kho bạc Nhà nước Hậu Giang.

Mã số thuế: 1800544875



BÊN B: Công ty TNHH Tư vấn Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất

Người đại diện: **PGS.TS Trần Đình Kiên** Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại: 043.7550428, Fax: 043.7550428

Tài khoản: 111000037499 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Nam Thăng Long – Hà Nội.

Mã số thuế: 0101074336.

Hai bên thống nhất lập biên bản thanh lý Hợp đồng số 22/2016/HĐKT ngày 13 tháng 6 năm 2016 như sau:

I. Giá trị hoàn thành theo hợp đồng: 1.298.008.002 đồng.

(Bằng chữ: Một tỷ hai trăm chín mươi tám triệu lẻ tám ngàn lẻ hai đồng)

II. Số tiền bên A đã thanh toán cho bên B: 649.004.000 đồng.

III. Số tiền còn thanh toán:

1.298.008.002 đồng - 649.004.000 đồng = 649.004.002 đồng.

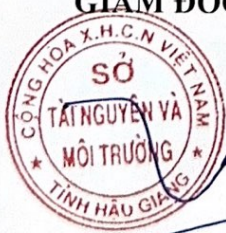

IV. Số tiền thanh toán đợt này : 649.004.000 đồng (làm tròn)


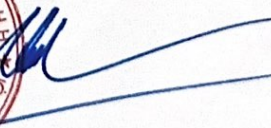
(Số tiền bằng chữ: Sáu trăm bốn mươi chín triệu không trăm lẻ bốn ngàn đồng)

IV. Số tiền chưa thanh toán: 0 đồng.

Theo bản Thanh lý này Bên B phải giao cho bên A hóa đơn giá trị gia tăng số tiền: **649.004.000 đồng**

Biên bản thanh lý được lập thành 10 bản có giá trị như nhau, bên A giữ 06 bản, bên B giữ 04 bản.

BÊN A
GIÁM ĐỐC


Lê Quốc Việt

BÊN B
GIÁM ĐỐC


Trần Đình Kiên